

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-ST
Ngày: 18-10-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Bà Võ Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C. Địa chỉ: TCC, Bán Đ, Hoàng M, HN. Người đại diện hợp pháp: Dương T, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền là ông Hà B, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch huyện HN (Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016). Địa chỉ: ấp 1, xã Thường T, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1 Anh Thái Thanh T, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: ấp H, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

2.2 Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: ấp H, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2018 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Đại diện nguyên đơn ông Hà B, trình bày: Ngày 11/8/2009 anh Thái Thanh T và chị Nguyễn Thị N có vay tiền của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện HN số tiền gốc là 7.000.000đ thuộc chương trình cho vay hộ nghèo, lãi tạm tính từ ngày từ 11/8/2009 đến ngày 09/5/2018 là 3.535.723đ, anh T, chị N đã trả lãi được 1.076.100đ còn nợ lãi lại là 2.546.623đ, lãi suất cho vay là 0,55%/tháng, theo khế ước số 6000005100230015 thời hạn trả là ngày 19/8/2015. Cùng ngày, anh T, chị N có vay thêm số tiền gốc 5.000.000đ thuộc chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn, lãi tạm tính từ ngày 11/8/2009 đến ngày 09/5/2018 là 2.814.950đ, vợ chồng anh T đóng lãi được 1.199.450đ còn nợ tiền lãi lại là 1.615.500đ, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng, theo khế ước số 6000005100230016 thời hạn trả là ngày 19/6/2015. Đến nay hai món vay trên đã quá hạn trả, Ngân hàng C nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc anh T, chị N thanh toán số tiền còn nợ gốc, lãi nhưng anh T, chị N không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng C. Nay Ngân hàng C yêu cầu anh Thái Thanh T, chị Nguyễn Thị N trả số tiền vay gốc còn nợ là 12.000.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 09/5/2018 là 4.165.123đ. Tổng cộng gốc lãi là 16.165.123đ và yêu cầu tiếp tục trả lãi theo khế ước số 6000005100230015 và 6000005100230016 cho đến khi nào trả hết nợ.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Thái Thanh T và chị Nguyễn Thị N, thống nhất trình bày: Không nhớ ngày tháng năm anh, chị có vay tiền của Ngân hàng C số tiền gốc 12.000.000đ, nợ lãi 4.165.123đ, chỉ nhớ đóng lãi được vài tháng, không nhớ đóng được nhiều tiền. Anh chị thống nhất trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ gốc là 12.000.000đ, nợ lãi 4.165.123đ. Gia đình anh chị không thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Thái Thanh T và chị Nguyễn Thị N trả tiền cho Ngân hàng C số tiền gốc, lãi 16.165.123đ và tiếp tục trả lãi theo khế ước đã vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, yêu cầu anh Thái Thanh T, chị Nguyễn Thị N trả tiền vay còn nợ và anh T, chị N hiện cư trú tại ấp H, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Thái Thanh T, chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T, chị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét, yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng C là có căn cứ để chấp nhận. Vì bị đơn anh Thái Thanh T, chị Nguyễn Thị N đều thừa nhận còn nợ và thống nhất trả cho Ngân hàng C số tiền gốc là 12.000.000đ và tiền lãi là 4.165.123đ. Việc anh T, chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, buộc anh Thái Thanh T và chị Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ gốc 12.000.000đ, tiền lãi tạm tính từ đến ngày 09/5/2018 là 4.165.123đ. Tổng cộng gốc lãi là 16.165.123đ và tiếp tục trả lãi theo khế ước đã vay là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn anh Thái Thanh T, chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 808.000đ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng C.

Buộc anh Thái Thanh T và chị Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng C số tiền vay còn nợ gốc 12.000.000đ, tiền lãi là 4.165.123đ. Tổng cộng gốc lãi là 16.165.123đ (Mười sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Anh Thái Thanh T và chị Nguyễn Thị N tiếp tục trả lãi theo khế ước số 6000005100230015 và 6000005100230016 cho đến khi nào trả nợ xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Thái Thanh T và chị Nguyễn Thị N chịu 808.000đ (Tám trăm lẻ tám nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thùy Dung